

Số: /BC-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP
ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế
đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng**



Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức tổng kết việc thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (sau đây gọi là Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; Quy chế ban hành kèm theo Nghị định gọi là Quy chế) và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế (sau đây gọi là Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT) với những nội dung cơ bản sau đây:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh thực hiện

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP được ban hành năm 2005 và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT được ban hành năm 2006, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên phạm vi cả nước. Các văn bản này quy định các nguyên tắc đặt tên, đổi tên; nguồn tên; thẩm quyền quyết định; Hội đồng tư vấn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện. Qua hơn 20 năm thi hành, công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã góp phần phục vụ quản lý hành chính, quản lý đô thị, giao thông, thông tin liên lạc và các hoạt động của tổ chức, cá nhân; đồng thời góp phần bảo tồn, tôn vinh và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa.

Trong thời gian thi hành Nghị định, hệ thống pháp luật và tổ chức bộ máy nhà nước có nhiều thay đổi. Pháp luật về đường bộ, quy hoạch, xây dựng, tổ chức chính quyền địa phương, đơn vị hành chính và các lĩnh vực có liên quan từng bước được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Đặc biệt, việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp đã làm thay đổi về tổ chức bộ máy, địa bàn quản lý, phân công, phân cấp và phương thức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương.

Cùng với những thay đổi về pháp luật và tổ chức bộ máy, quá trình đô thị hóa, phát triển kết cấu hạ tầng và mở rộng không gian đô thị, dân cư diễn ra

manh mẽ. Nhiều khu đô thị, khu dân cư, khu chức năng, tuyến giao thông và công trình công cộng được đầu tư xây dựng, làm gia tăng số lượng đường, phố và công trình có nhu cầu đặt tên, đổi tên. Quy mô, tính chất của hệ thống giao thông, không gian đô thị và công trình công cộng ngày càng đa dạng, gắn với yêu cầu quản lý địa chỉ, tổ chức giao thông, cung cấp dịch vụ công và phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội.

Chuyển đổi số và hiện đại hóa quản lý nhà nước cũng làm thay đổi phương thức quản lý và sử dụng thông tin về đường, phố và công trình công cộng. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số, hệ thống thông tin địa lý, quản lý địa chỉ và kết nối, chia sẻ dữ liệu ngày càng được đẩy mạnh, đặt công tác quản lý tên đường, phố và công trình công cộng trong mối liên hệ ngày càng chặt chẽ với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu của xã hội.

Sau hơn 20 năm thi hành, điều kiện pháp lý, tổ chức bộ máy, kinh tế - xã hội và phương thức quản lý nhà nước đã có nhiều thay đổi so với thời điểm Nghị định số 91/2005/NĐ-CP được ban hành. Những thay đổi này đặt ra yêu cầu tổng kết toàn diện tình hình thi hành Nghị định và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT nhằm đánh giá khách quan kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh trong thực tiễn, qua đó cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Năm 2025, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, tập trung vào kết quả tổ chức thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh trong thực tiễn và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện các quy định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

Trên cơ sở đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có 41/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tương ứng với 28/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện nay) đã gửi báo cáo tổng kết. Trên cơ sở các báo cáo của địa phương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành rà soát, tổng hợp và xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP. Nội dung tổng kết tập trung đánh giá quá trình tổ chức thi hành và kết quả thực hiện Nghị định; tác động của các quy định đối với công tác quản lý nhà nước và đời sống xã hội; những khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh trong thực tiễn; đồng thời tổng hợp các đề xuất, kiến nghị làm cơ sở nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành

Sau khi Nghị định số 91/2005/NĐ-CP được Chính phủ ban hành, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ban hành Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định. Thông tư đã cụ thể hóa một số nội dung về nguyên tắc đặt tên đối với danh nhân có nhiều tên gọi; xác định đường, phố; lựa chọn danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội; Hội đồng tư vấn; xây dựng ngân hàng tên và tổ chức thực hiện, qua đó tạo cơ sở để các địa phương triển khai Nghị định thống nhất trên phạm vi cả nước.

Trong quá trình thi hành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT. Nội dung hướng dẫn tập trung vào việc áp dụng các nguyên tắc đặt tên, lựa chọn và sử dụng nguồn tên; tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn; xây dựng ngân hàng tên; lấy ý kiến đối với phương án đặt tên, đổi tên và các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước về văn hóa. Thông qua công tác hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ và thực hiện chức năng quản lý nhà nước, các quy định của Nghị định và Thông tư được phổ biến, triển khai trong hệ thống cơ quan quản lý văn hóa từ Trung ương đến địa phương. Công tác phổ biến, tuyên truyền đồng thời được gắn với việc phát huy ý nghĩa lịch sử, văn hóa và giá trị giáo dục truyền thống của hoạt động đặt tên đường, phố và công trình công cộng.

Tại địa phương, cơ quan chuyên môn về văn hóa được giao làm đầu mối tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT. Nội dung tham mưu, phối hợp chủ yếu như: rà soát nhu cầu đặt tên, đổi tên; nghiên cứu, lựa chọn tên; xây dựng phương án; tổ chức lấy ý kiến; hoàn thiện hồ sơ; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện sau khi tên được quyết định. Để cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với điều kiện quản lý tại địa phương, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Quy chế, quy định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn¹, tập trung vào quy định cụ thể hóa nguyên tắc, tiêu chí, trách nhiệm của các cơ quan; quy trình lập đề án, lựa chọn tên, lấy ý kiến, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền; tổ chức thực hiện sau khi tên được quyết định². Bên cạnh đó, các địa phương đã thành lập, kiện toàn Hội đồng tư vấn, ban hành quy chế tổ chức

¹ 20/41 địa phương báo cáo đã ban hành Quy chế, quy định chung hoặc quy định chuyên biệt về trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Hình thức văn bản chủ yếu là quyết định của UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế/quy định; tại một số địa phương, HĐND ban hành nghị quyết quy định về nội dung này.

² Ví dụ: Hậu Giang ban hành Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 về Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng; Thanh Hóa ban hành Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND quy định trình tự, thủ tục và năm 2024 tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định này

và hoạt động của Hội đồng, đồng thời xác lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan. Qua đó, cơ chế tổ chức thực hiện từ rà soát nhu cầu, lựa chọn tên, xây dựng phương án, lấy ý kiến, trình cấp có thẩm quyền quyết định đến gắn biển và quản lý sau đặt tên từng bước được hình thành và thực hiện trong thực tiễn.

Công tác tuyên truyền, phổ biến được các địa phương triển khai với nhiều hình thức, thông qua cơ quan chuyên môn về văn hóa, cơ quan thông tin, báo chí và chính quyền cơ sở như: tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản đến các cơ quan, đơn vị và chính quyền cơ sở; hướng dẫn nghiệp vụ; lồng ghép tại hội nghị, cuộc họp; đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử; tuyên truyền qua báo chí, phát thanh, truyền hình và hệ thống thông tin cơ sở.. Bên cạnh việc phổ biến các quy định của Nghị định và Thông tư, hoạt động tuyên truyền còn gắn với việc giới thiệu nguồn gốc, ý nghĩa của địa danh, sự kiện lịch sử, di tích, danh lam thắng cảnh, công lao và đóng góp của danh nhân được lựa chọn để đặt tên. Qua đó, việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng không chỉ phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước mà còn góp phần phổ biến kiến thức về lịch sử, văn hóa, giáo dục truyền thống và tạo sự đồng thuận trong cộng đồng.

2. Kết quả thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP

2.1. Kết quả thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP

a) Tình hình xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng tên

Các địa phương đã quan tâm xây dựng, phê duyệt và đưa ngân hàng tên vào sử dụng phục vụ công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; đồng thời từng bước rà soát, bổ sung, cập nhật để đáp ứng nhu cầu thực tế. Nguồn tên được tập hợp tương đối đa dạng, chủ yếu gồm tên danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh, sự kiện lịch sử - văn hóa, di tích, danh lam thắng cảnh, phong trào cách mạng và các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu. Quy mô ngân hàng tên tại một số địa phương tương đối lớn, như: Thành phố Hồ Chí Minh có 1.375 tên được bổ sung vào ngân hàng; Bắc Ninh có 2.631 tên; Bắc Kạn có 1.567 tên; Cần Thơ có 996 tên, trong đó 272 tên đã được sử dụng và 724 tên chưa sử dụng; Đồng Nai có 617 tên. Tại Đồng Nai, việc cập nhật ngân hàng tên được thực hiện định kỳ, cơ quan thường trực có trách nhiệm đề xuất bổ sung, trình Hội đồng tư vấn thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Bên cạnh việc xây dựng và cập nhật nguồn tên, một số địa phương đã bước đầu ứng dụng công nghệ trong quản lý, khai thác ngân hàng tên. Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quản lý, tra cứu và cập nhật ngân hàng tên bằng công nghệ thông tin; Khánh Hòa triển khai phần mềm ngân hàng tên; thành phố Huế xây dựng ngân hàng tên thông qua các đề tài khoa học, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phân bổ dữ liệu phục vụ nhu cầu đặt tên tại các địa phương.

Nhìn chung, việc xây dựng ngân hàng tên đã tạo nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu, lựa chọn và thẩm định tên, góp phần nâng cao tính chủ động của địa phương trong quá trình xây dựng phương án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quy mô và cách thức tổ chức ngân hàng tên, phương thức cập nhật, khai thác cũng như mức độ ứng dụng công nghệ còn có sự khác nhau giữa các địa phương.

b) Tình hình thành lập, kiện toàn và hoạt động của Hội đồng tư vấn

Các địa phương đã thành lập, kiện toàn và duy trì hoạt động của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Mô hình phổ biến là Hội đồng tư vấn cấp tỉnh với thành phần liên ngành, gồm đại diện cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, xây dựng, giao thông, tài nguyên và môi trường, cơ quan tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, các hội chuyên ngành và một số chuyên gia, nhà nghiên cứu về lịch sử, văn hóa. Cơ quan chuyên môn về văn hóa thường được giao làm cơ quan thường trực của Hội đồng; một số địa phương thành lập Tổ thư ký hoặc Tổ giúp việc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng.

Hoạt động của Hội đồng chủ yếu tập trung vào việc nghiên cứu, lựa chọn và thẩm định nguồn tên; tham gia xây dựng, bổ sung ngân hàng tên; xem xét, cho ý kiến đối với phương án đặt tên, đổi tên; tư vấn việc lựa chọn tên phù hợp với quy mô, tính chất, vị trí của đường, phố và công trình công cộng trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tùy điều kiện và cách thức tổ chức tại từng địa phương, cơ cấu và phương thức hoạt động của Hội đồng có sự khác nhau. Ví dụ: Hậu Giang quy định cụ thể về thành phần, nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ của Hội đồng; Cần Thơ tổ chức Hội đồng tư vấn thành phố gắn với Tổ thư ký và các tổ tư vấn ở địa phương; Phú Thọ thực hiện kiện toàn thành viên Hội đồng qua từng giai đoạn để phù hợp với yêu cầu tổ chức thực hiện.

Nhìn chung, Hội đồng tư vấn đã phát huy vai trò là tổ chức tư vấn chuyên môn trong quá trình nghiên cứu, lựa chọn và thẩm định tên, góp phần hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hoàn thiện phương án trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định. Việc tổ chức Hội đồng theo hướng liên ngành, có sự tham gia của các cơ quan chuyên môn, tổ chức có liên quan và các chuyên gia về lịch sử, văn hóa góp phần bổ sung cơ sở chuyên môn cho việc lựa chọn tên, đồng thời bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Tình hình đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

Qua quá trình triển khai Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã được các địa phương thực hiện với số lượng tương đối lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và quản lý tại địa phương. Theo số liệu báo cáo, trong giai đoạn 2005–2025, Thanh Hóa đã ban hành 35 nghị quyết, thực hiện đặt tên, đổi tên đối với 1.518 đường, phố và công

trình công cộng. Quảng Ninh, trong giai đoạn 2008–2023, đã đặt tên 157 tuyến đường, 451 tuyến phố và 16 công trình công cộng. Phú Thọ báo cáo từ năm 2008 đến tháng 6/2025 đã phê duyệt 98 tuyến đường và 256 tên phố để sử dụng vào việc đặt tên, đổi tên. Một số địa phương khác cũng ghi nhận số lượng đáng kể, như Bắc Ninh với gần 2.000 tên đường, phố và công trình công cộng; thành phố Huế với 1.067 tuyến đường được đặt tên, đổi tên hoặc điều chỉnh nối dài; Lào Cai với hơn 700 tuyến đường, phố và 47 công trình công cộng; Nam Định với 583 đường, phố và 07 công trình công cộng được đặt tên. Tại Cần Thơ, tính đến tháng 6/2025 có 325 đường và 511 công trình công cộng đã có tên; trong đó 188 đường và 15 công trình công cộng được Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết đặt tên, đổi tên.

Nhìn chung, kết quả thực hiện tại các địa phương cho thấy công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã góp phần đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính, quản lý đô thị, tổ chức giao thông và phục vụ các hoạt động của tổ chức, cá nhân. Đồng thời, việc lựa chọn tên danh nhân, địa danh, sự kiện lịch sử - văn hóa và các tên gọi có giá trị tiêu biểu đã góp phần bảo tồn, tôn vinh và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, giáo dục truyền thống của từng địa phương.

d) Tình hình gắn biển sau khi đặt tên, đổi tên

Sau khi nghị quyết của Hội đồng nhân dân về đặt tên, đổi tên có hiệu lực, các địa phương tổ chức triển khai việc gắn biển tên theo quy định, trong đó cơ quan chuyên môn hoặc chính quyền địa phương được giao chủ trì thực hiện. Việc gắn biển cơ bản được thực hiện tại các vị trí phù hợp nhằm bảo đảm khả năng nhận diện và phục vụ công tác quản lý. Tại Quảng Ninh, biển tên đường, phố được gắn tại điểm đầu, điểm cuối và các vị trí giao nhau; đến thời điểm báo cáo, toàn bộ các tuyến đường, phố và công trình công cộng được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị đặt tên đã được tổ chức gắn biển theo quy định.

Một số địa phương đã cụ thể hóa việc tổ chức gắn biển phù hợp với điều kiện thực tế. Hậu Giang quy định cụ thể về kích thước, màu sắc, chất liệu, chữ viết, biểu trưng và vị trí gắn biển. Phú Thọ thực hiện rà soát vị trí gắn biển, lập dự toán kinh phí, thẩm định giá, tổ chức lựa chọn nhà thầu và cấm biển tên đường, phố, đồng thời triển khai gắn số nhà theo quy định. Đáng chú ý, Hải Phòng đã ứng dụng công nghệ thông tin thông qua việc gắn mã QR trên biển tên đường, phố và công trình công cộng, qua đó cung cấp thêm thông tin về lịch sử, danh nhân, địa danh và hình ảnh có liên quan.

Nhìn chung, việc gắn biển sau khi đặt tên, đổi tên đã được các địa phương tổ chức thực hiện gắn với yêu cầu quản lý đô thị và nhận diện địa chỉ; một số địa phương đã có cách làm cụ thể trong tổ chức thực hiện và bước đầu ứng dụng công nghệ để nâng cao giá trị thông tin của biển tên. Tuy nhiên, tiến độ và mức độ đồng bộ trong triển khai còn phụ thuộc vào số lượng tuyến cần gắn biển, nguồn lực và các thủ tục có liên quan.

đ) Một số mô hình, cách làm đáng chú ý tại địa phương

Qua tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, một số địa phương đã có cách làm phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Một số mô hình, cách làm đáng chú ý gồm:

Thứ nhất, xây dựng ngân hàng tên theo hướng thường xuyên cập nhật, gắn với nghiên cứu khoa học và từng bước ứng dụng công nghệ. Một số địa phương không chỉ xây dựng ngân hàng tên để phục vụ nhu cầu trước mắt mà còn tổ chức rà soát, bổ sung và cập nhật định kỳ, tạo nguồn tên phục vụ lâu dài cho việc xây dựng phương án đặt tên, đổi tên. Tại Cần Thơ, Thư viện thành phố được giao rà soát tài liệu, tham khảo ngân hàng tên của các tỉnh, thành phố, biên tập tiểu sử danh nhân, ý nghĩa địa danh, sự kiện và các tên gọi có ý nghĩa tiêu biểu để trình Hội đồng tư vấn; bình quân bổ sung khoảng 50 tên mỗi năm. Ngân hàng tên của thành phố có 996 tên, trong đó 272 tên đã sử dụng và 724 tên chưa sử dụng. Đồng Nai xây dựng ngân hàng gồm 617 tên, đồng thời thực hiện cơ chế định kỳ nghiên cứu, đề xuất bổ sung, trình Hội đồng tư vấn thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thành phố Hồ Chí Minh và Khánh Hòa đã ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong quản lý, tra cứu và cập nhật ngân hàng tên; thành phố Huế gắn việc xây dựng ngân hàng tên với hoạt động nghiên cứu khoa học, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung nguồn tên phục vụ nhu cầu thực tế. Những cách làm này cho thấy xu hướng chuyển từ việc xây dựng danh mục tên đơn thuần sang hình thành nguồn dữ liệu được cập nhật, quản lý và khai thác thường xuyên.

Thứ hai, tổ chức Hội đồng tư vấn theo hướng liên ngành, gắn với bộ phận chuyên môn giúp việc. Tại một số địa phương, Hội đồng tư vấn được tổ chức với sự tham gia của nhiều cơ quan chuyên môn, tổ chức có liên quan và các chuyên gia, nhà nghiên cứu về lịch sử, văn hóa; đồng thời thành lập Tổ thư ký hoặc bộ phận giúp việc để hỗ trợ nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ và phương án trước khi Hội đồng xem xét, cho ý kiến. Cần Thơ duy trì Hội đồng tư vấn thành phố cùng với Tổ thư ký và cơ chế tư vấn phục vụ quá trình nghiên cứu, xây dựng phương án; thành phần Hội đồng có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức có liên quan. Đồng Nai cũng thành lập Tổ thư ký gồm đại diện các cơ quan liên quan và có cơ chế mời thêm đại diện cơ quan, tổ chức, địa phương tham gia tùy theo nội dung của từng đề án. Cách tổ chức này góp phần phát huy tính liên ngành, đồng thời hỗ trợ Hội đồng trong việc nghiên cứu, thẩm định nguồn tên và phương án đặt tên, đổi tên.

Thứ ba, gắn công tác đặt tên, đổi tên với tuyên truyền, giáo dục lịch sử, văn hóa và tổ chức thực hiện sau khi đặt tên. Tại Phú Thọ, sau khi Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết về đặt tên, đổi tên, cơ quan chuyên môn về văn hóa phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông và chính quyền địa phương

tuyên truyền về ý nghĩa của tên đường, phố, sự kiện lịch sử, công lao và đóng góp của danh nhân được lựa chọn để đặt tên. Việc tổ chức thực hiện còn gắn với rà soát vị trí, gắn biển tên, hướng dẫn cập nhật các thông tin có liên quan và gắn số nhà. Qua đó, hoạt động đặt tên không chỉ phục vụ yêu cầu quản lý hành chính, quản lý đô thị mà còn góp phần tuyên truyền, giáo dục và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa tại địa phương.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ và kết hợp cung cấp thông tin, quảng bá thông qua biển tên đường, phố và công trình công cộng. Một số địa phương đã có cách làm nhằm gia tăng giá trị thông tin của biển tên sau khi đặt tên, đổi tên. Tại Quảng Ninh, các tuyến đường, phố và công trình công cộng được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị đặt tên đã được tổ chức gắn biển; một số địa phương bổ sung biểu trưng hoặc tên bằng ngôn ngữ nước ngoài trên biển nhằm phục vụ thông tin, quảng bá và du lịch. Hải Phòng triển khai gắn mã QR trên biển tên đường, phố và công trình công cộng để cung cấp thêm thông tin về lịch sử, danh nhân, địa danh và hình ảnh có liên quan. Cách làm này bước đầu gắn việc quản lý biển tên với ứng dụng công nghệ, tuyên truyền lịch sử, văn hóa và cung cấp thông tin cho người dân, du khách.

Thứ năm, cụ thể hóa quy trình thực hiện và tổ chức lựa chọn tên phù hợp với đặc điểm không gian đô thị. Một số địa phương đã ban hành quy chế, quy định để cụ thể hóa trình tự, trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong công tác đặt tên, đổi tên. Hậu Giang ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng, đồng thời thành lập, kiện toàn Hội đồng tư vấn và quy định cụ thể về thành phần, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ của Hội đồng Thanh Hóa ban hành quy định về trình tự, thủ tục và xây dựng ngân hàng tên; ngân hàng tên tiếp tục được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, tại Quảng Ninh, việc xây dựng phương án có sự phân định lộ trình, khu vực để bố trí các nhóm tên, qua đó tạo sự gắn kết giữa lựa chọn tên với đặc điểm không gian và hệ thống đường, phố của đô thị.

Nhìn chung, các mô hình, cách làm nêu trên cho thấy việc tổ chức thi hành Nghị định tại một số địa phương đã được triển khai theo hướng ngày càng chủ động và phù hợp với điều kiện thực tế, trong đó nổi bật là việc xây dựng, cập nhật và số hóa ngân hàng tên; phát huy vai trò tư vấn liên ngành; gắn đặt tên với tuyên truyền, giáo dục lịch sử, văn hóa; ứng dụng công nghệ trong quản lý, cung cấp thông tin; và cụ thể hóa quy trình tổ chức thực hiện tại địa phương. Đây là những kinh nghiệm thực tiễn có thể được nghiên cứu, tham khảo trong quá trình hoàn thiện các quy định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

2.2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP

a) Ưu điểm

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã tạo lập cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên phạm vi cả nước, xác định tương đối đầy đủ các nguyên tắc, nguồn tên, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Qua hơn 20 năm thi hành, các quy định của Nghị định đã góp phần đưa công tác đặt tên, đổi tên từng bước đi vào nền nếp, phục vụ yêu cầu quản lý hành chính, quản lý đô thị, giao thông và các hoạt động của tổ chức, cá nhân.

Các nguyên tắc cơ bản về đặt tên, đổi tên được quy định tại Nghị định nhìn chung có giá trị ổn định và tiếp tục phù hợp với yêu cầu thực tiễn, như hạn chế việc đổi tên đối với đường, phố và công trình công cộng đã có tên quen thuộc; tránh đặt tên trùng lặp; lựa chọn tên có giá trị lịch sử, văn hóa, phù hợp với thuần phong, mỹ tục; bảo đảm sự tương xứng giữa ý nghĩa của tên với quy mô, tính chất của đường, phố và công trình công cộng. Việc quy định sự tham gia của Hội đồng tư vấn và lấy ý kiến đối với phương án đặt tên, đổi tên góp phần bổ sung cơ sở chuyên môn, tăng tính thận trọng và đồng thuận trong quá trình xem xét, quyết định.

Nghị định cũng đã xác lập cơ chế thẩm quyền và trách nhiệm trong việc đặt tên, đổi tên, tạo cơ sở để các địa phương tổ chức xây dựng phương án, xem xét và quyết định theo thẩm quyền. Cùng với hướng dẫn tại Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, việc xây dựng ngân hàng tên đã được nhiều địa phương triển khai và từng bước phát triển thành nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu, lựa chọn và thẩm định tên. Thực tiễn cho thấy một số địa phương đã chủ động bổ sung, cập nhật ngân hàng tên, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tra cứu và khai thác dữ liệu.

Nhìn chung, qua hơn 20 năm thi hành, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã phát huy vai trò là cơ sở pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Các nguyên tắc cơ bản được xác lập tại Nghị định đã tạo nền tảng cho việc tổ chức thực hiện thống nhất, đồng thời góp phần bảo tồn, tôn vinh và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, giáo dục truyền thống thông qua việc lựa chọn và sử dụng tên đường, phố và công trình công cộng.

2.5. Bất cập, hạn chế

a) Về phạm vi điều chỉnh và giải thích từ ngữ

Phạm vi điều chỉnh của Quy chế hiện hành được xác định chủ yếu gắn với khu vực đô thị, trong đó khái niệm “đô thị” được giải thích theo hệ thống đơn vị hành chính gồm thành phố, thị xã và thị trấn. Tuy nhiên, qua hơn 20 năm thi hành, quá trình đô thị hóa, phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng khu dân cư và hình thành các khu vực có tính chất đô thị đã làm phát sinh nhu cầu đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại những khu vực không thuộc phạm vi đô

thị theo cách xác định của Quy chế. Bên cạnh đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp đã làm thay đổi hệ thống đơn vị hành chính và phương thức tổ chức quản lý tại địa phương. Vì vậy, việc xác định phạm vi áp dụng gắn với khái niệm và mô hình tổ chức đô thị tại thời điểm ban hành Nghị định không còn bao quát đầy đủ các đối tượng và nhu cầu quản lý phát sinh trong thực tiễn hiện nay³.

Một số khái niệm về đối tượng được đặt tên cũng chưa được quy định đủ cụ thể và đồng bộ với pháp luật có liên quan. Các khái niệm như đại lộ, đường, phố, ngõ, ngách trong Quy chế chủ yếu được xác định thông qua đặc điểm mô tả, trong khi chưa có tiêu chí cụ thể để phân định rõ từng loại và chưa bảo đảm sự liên thông với hệ thống thuật ngữ được sử dụng trong pháp luật về đường bộ, xây dựng, quy hoạch và các lĩnh vực có liên quan. Thực tế này có thể dẫn đến cách hiểu và xác định đối tượng đặt tên khác nhau trong quá trình xây dựng phương án tại địa phương, nhất là đối với các tuyến giao thông và không gian đô thị mới phát sinh.

b) Về đối tượng áp dụng và các loại hình phát sinh trong thực tiễn

Quy chế hiện hành chưa quy định đầy đủ đối tượng và các loại công trình thuộc phạm vi đặt tên, đổi tên, đặc biệt đối với một số công trình thương mại, dịch vụ và công trình do tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý. Việc chưa xác định rõ phạm vi áp dụng đối với các loại hình này dẫn đến khó khăn trong việc xác định thẩm quyền và trình tự thực hiện trong thực tiễn.

c) Về điều kiện, tiêu chí và sự tương xứng

Một số điều kiện, tiêu chí phục vụ việc lựa chọn và đặt tên đường, phố, công trình công cộng còn mang tính định tính, chưa tạo được căn cứ đủ cụ thể để áp dụng thống nhất. Quy chế hiện hành đặt ra yêu cầu lựa chọn tên phù hợp, tương xứng với quy mô, cấp độ và vị trí của đường, phố, công trình công cộng, nhưng chưa quy định cụ thể các tiêu chí để xác định quy mô, cấp độ cũng như mức độ tương xứng. Qua tổng kết, nhiều địa phương phản ánh khó khăn do thiếu các tiêu chí hoặc căn cứ tham chiếu cụ thể như chiều dài, chiều rộng, lộ giới, cấp đường, vị trí, chức năng và đặc điểm của tuyến đường. Điều này có thể dẫn đến cách xác định và đánh giá khác nhau trong quá trình xây dựng, thẩm định phương án đặt tên⁴.

³ Có 10/40 địa phương phản ánh phạm vi điều chỉnh giới hạn ở “đô thị” không còn phù hợp và đề nghị xem xét mở rộng hoặc xác định lại phạm vi, trong đó có các ý kiến liên quan đến xã, khu vực chưa thành lập đô thị và khu vực có tính chất đô thị

⁴ 23/40 địa phương phản ánh khó khăn do thiếu tiêu chí cụ thể về quy mô, cấp độ đường, phố hoặc việc xác định sự tương xứng giữa quy mô của đối tượng được đặt tên với ý nghĩa, tầm vóc của tên; một số địa phương đề nghị nghiên cứu các tiêu chí tham chiếu như chiều dài, chiều rộng, lộ giới hoặc cấp đường.

d) Về thẩm quyền và phân định trách nhiệm

Quy định về thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức thực hiện tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP được xây dựng trên cơ sở mô hình tổ chức chính quyền địa phương tại thời điểm ban hành nên một số nội dung không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay. Các quy định gắn với thẩm quyền, trách nhiệm của cấp huyện không còn phù hợp; trong khi vai trò, trách nhiệm của cấp xã trong việc rà soát nhu cầu, đề xuất phương án, phối hợp lấy ý kiến và tổ chức thực hiện sau khi có quyết định đặt tên, đổi tên cần được xác định cụ thể. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu rà soát, phân định lại thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cấp, các cơ quan có liên quan phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện hành.

Bên cạnh đó, căn cứ phân định thẩm quyền đặt tên, đổi tên đối với công trình công cộng chưa được quy định đủ cụ thể. Quy chế hiện hành sử dụng tiêu chí công trình công cộng “có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng” để xác định thẩm quyền nhưng chưa có tiêu chí cụ thể để xác định thế nào là “quy mô lớn”, “có ý nghĩa quan trọng”. Do đó, trong thực tiễn còn khó khăn khi xác định trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân⁵.

đ) Về trình tự, thủ tục, hồ sơ và lấy ý kiến Nhân dân

Quy định về trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng chưa đầy đủ và đồng bộ. Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT đã quy định một số nội dung, bước thực hiện, nhưng chưa xác lập đầy đủ quy trình từ rà soát nhu cầu, khảo sát, xây dựng phương án, chuẩn bị hồ sơ, lấy ý kiến, xem xét của Hội đồng tư vấn, hoàn thiện phương án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đến công bố và tổ chức thực hiện. Thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện từng bước, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan cũng chưa được quy định cụ thể, thống nhất. Do đó, trong quá trình thực hiện, các địa phương phải chủ động cụ thể hóa trình tự, thủ tục và hồ sơ, dẫn đến cách thức tổ chức thực hiện và thời gian xử lý giữa các địa phương còn có sự khác nhau.

Quy định về lấy ý kiến Nhân dân đối với phương án đặt tên, đổi tên cũng chưa cụ thể. Quy định hiện hành chưa xác định rõ đối tượng, phạm vi, hình thức và thời gian lấy ý kiến; phương thức tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; cũng như cách thức xử lý trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau. Thực tiễn cho thấy việc tổ chức lấy ý kiến tại một số địa phương còn gặp khó khăn, nhất là đối

⁵ 19/40 địa phương phản ánh khó khăn do chưa có tiêu chí cụ thể để xác định đường, phố hoặc công trình công cộng “có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng”, ảnh hưởng đến việc xác định thẩm quyền

với phương án liên quan đến nhiều địa bàn, nhiều nhóm đối tượng hoặc cần điều chỉnh, hoàn thiện sau khi lấy ý kiến⁶.

e) Về Hội đồng tư vấn

Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn còn một số nội dung chưa rõ, chưa phù hợp với yêu cầu tổ chức thực hiện hiện nay. Hội đồng tư vấn có vai trò xem xét, tư vấn về các vấn đề chuyên môn, nhất là giá trị lịch sử, văn hóa, ý nghĩa của nguồn tên và sự phù hợp của phương án đặt tên, đổi tên. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan chủ trì xây dựng phương án với Hội đồng tư vấn, đặc biệt giữa các khâu nghiên cứu, đề xuất phương án và xem xét, cho ý kiến đối với phương án trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Thành phần Hội đồng tư vấn theo quy định hiện hành cũng cần được rà soát, cập nhật để phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và tên gọi của các cơ quan hiện nay. Đồng thời, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc và phương thức hoạt động của Hội đồng; trách nhiệm của cơ quan thường trực, bộ phận giúp việc và cơ chế phối hợp với các cơ quan có liên quan chưa được quy định đầy đủ, cụ thể.

Thực tiễn tổ chức thực hiện đặt ra yêu cầu xác định rõ tính chất và vai trò tư vấn của Hội đồng, đồng thời phân định cụ thể trách nhiệm giữa cơ quan xây dựng phương án, cơ quan thường trực và Hội đồng tư vấn. Việc phân định rõ các khâu nghiên cứu, đề xuất, chuẩn bị hồ sơ với khâu xem xét, tư vấn đối với phương án sẽ góp phần bảo đảm tính khách quan, nâng cao chất lượng tham mưu và hạn chế tình trạng cùng một chủ thể vừa trực tiếp xây dựng phương án, vừa thực hiện việc xem xét, đánh giá phương án đó.

g) Về ngân hàng tên

Ngân hàng tên đã phát huy vai trò là nguồn dữ liệu phục vụ việc nghiên cứu, lựa chọn và xây dựng phương án đặt tên, đổi tên; tuy nhiên, các quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng tên còn chưa đầy đủ, cụ thể. Quy định hiện hành chưa xác định rõ, thống nhất về chủ thể xây dựng, thẩm quyền phê duyệt, cơ chế rà soát, bổ sung, cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu ngân hàng tên. Vì vậy, thực tiễn tổ chức thực hiện giữa các địa phương còn có sự khác nhau về quy mô, hình thức phê duyệt, phương thức cập nhật và quản lý ngân hàng tên⁷.

⁶ Qua tổng hợp báo cáo, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Yên Bái, Cao Bằng và một số địa phương phản ánh khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc lấy ý kiến Nhân dân, xác định điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường, trình tự thực hiện qua nhiều bước hoặc chất lượng hồ sơ ảnh hưởng đến tiến độ xử lý

⁷ Qua tổng kết cho thấy chủ thể ban hành, phương thức quản lý, cơ chế cập nhật và việc sử dụng ngân hàng tên có sự khác nhau giữa các địa phương. Thành phố Huế đề nghị cho phép xem xét sử dụng tên chưa có trong ngân hàng nếu đáp ứng các tiêu chí và được Hội đồng tư vấn xem xét về chuyên môn, thay vì giới hạn việc lựa chọn đối với các tên đã có trong ngân hàng.

Việc sử dụng ngân hàng tên làm nguồn lựa chọn tên cũng phát sinh một số vướng mắc trong thực tiễn. Yêu cầu lựa chọn tên trong ngân hàng tên góp phần bảo đảm nguồn tên đã được nghiên cứu, xem xét trước khi đưa vào phương án; tuy nhiên, trong trường hợp phát sinh tên phù hợp nhưng chưa được bổ sung vào ngân hàng, việc chỉ lựa chọn tên đã có trong ngân hàng có thể hạn chế tính chủ động và khả năng đáp ứng yêu cầu thực tế. Ngược lại, việc sử dụng tên ngoài ngân hàng nếu không có quy trình xem xét, kiểm chứng và bổ sung phù hợp có thể ảnh hưởng đến vai trò của ngân hàng tên trong việc bảo đảm chất lượng và tính thống nhất của nguồn tên.

h) Về đổi tên, xử lý trùng tên và hệ quả sau sắp xếp đơn vị hành chính

Việc sắp xếp đơn vị hành chính làm phát sinh yêu cầu rà soát, xử lý trường hợp trùng, lặp tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn sau sắp xếp. Khi nhiều đơn vị hành chính được hợp nhất, các tên đường, phố trước đây không trùng trong phạm vi từng địa bàn có thể trở thành trùng tên trong cùng một đơn vị hành chính mới. Trong khi đó, quy định hiện hành chưa dự liệu đầy đủ nguyên tắc, tiêu chí và phương thức xử lý đối với các trường hợp này, nhất là việc xác định trường hợp cần đổi tên, trường hợp được tiếp tục sử dụng tên hiện có và thứ tự ưu tiên khi xem xét xử lý tên trùng, lặp⁸.

Việc đổi tên đường, phố còn tác động trực tiếp đến thông tin địa chỉ của tổ chức, cá nhân và các cơ sở dữ liệu có liên quan. Sau khi đổi tên, thông tin địa chỉ có thể phải được cập nhật trên giấy tờ, biển hiệu, hồ sơ đất đai, đăng ký kinh doanh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác. Do đó, nếu chưa có cơ chế chuyển tiếp và phối hợp cập nhật thông tin đồng bộ giữa các cơ quan có liên quan, việc đổi tên có thể làm phát sinh thủ tục, chi phí và ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức, cá nhân.

i) Về biến tên, dữ liệu và chuyển đổi số

Các quy định hiện hành về biến tên chủ yếu tập trung vào quy cách, vị trí và thời hạn gắn biển, trong khi chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý, khai thác thông tin trong điều kiện chuyển đổi số. Thực tiễn tại một số địa phương đã xuất hiện việc ứng dụng công nghệ trong quản lý và cung cấp thông tin về tên đường, phố, như gắn mã QR trên biển tên, số hóa ngân hàng tên và sử dụng phần mềm phục vụ quản lý, tra cứu. Tuy nhiên, các nội dung này chưa được quy định hoặc định hướng thống nhất trong khuôn khổ pháp lý hiện hành.

Việc cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu sau khi đặt tên, đổi tên cũng chưa có cơ chế thống nhất. Quyết định đặt tên, đổi tên có liên quan trực tiếp đến dữ

⁸ Qua tổng kết, một số địa phương phản ánh nguy cơ phát sinh trùng, lặp tên đường, phố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Thanh Hóa lưu ý trường hợp các đơn vị hành chính được hợp nhất có thể dẫn đến cùng một tên danh nhân được sử dụng cho nhiều tuyến đường, phố trên địa bàn sau sắp xếp. Việc xử lý bằng phương án đổi tên đồng thời đặt ra yêu cầu cập nhật thông tin địa chỉ trên giấy tờ, biển hiệu và các cơ sở dữ liệu có liên quan.

liệu địa chỉ, bản đồ, đất đai, đăng ký kinh doanh và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, nhưng quy định hiện hành chưa xác định rõ trách nhiệm, phương thức và cơ chế phối hợp để cập nhật, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, hệ thống có liên quan. Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, đây là nội dung cần được nghiên cứu hoàn thiện nhằm bảo đảm thông tin về tên đường, phố và công trình công cộng được quản lý, cập nhật và khai thác đồng bộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Báo cáo)

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua quá trình thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, thực tiễn tại các địa phương đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần được nghiên cứu, xử lý.

Thứ nhất, một số quy định hiện hành chưa cụ thể, gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Một số khái niệm, tiêu chí liên quan đến phạm vi, đối tượng đặt tên, đổi tên; quy mô, tính chất của đường, phố, công trình công cộng; việc lựa chọn tên tương xứng với quy mô, vị trí và ý nghĩa của đối tượng được đặt tên còn mang tính định tính, chưa có tiêu chí cụ thể để áp dụng thống nhất. Quy định về trình tự, hồ sơ, thời hạn thực hiện một số khâu chưa đầy đủ; một số loại hình công trình, không gian đô thị phát sinh trong thực tiễn chưa được quy định hoặc hướng dẫn cụ thể. Các quy định liên quan đến xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác ngân hàng tên cũng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý dữ liệu và chuyển đổi số hiện nay.

Thứ hai, một số quy định không còn phù hợp với những thay đổi của hệ thống pháp luật và tổ chức chính quyền địa phương. Sau hơn 20 năm thi hành, pháp luật về đường bộ, quy hoạch, xây dựng, tổ chức chính quyền địa phương và các lĩnh vực có liên quan đã có nhiều thay đổi. Đặc biệt, việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính làm thay đổi địa bàn quản lý, cơ quan thực hiện và cơ chế phân công, phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Trong khi đó, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT vẫn còn các quy định gắn với mô hình tổ chức, cấp hành chính và tên gọi cơ quan trước đây, dẫn đến khó khăn trong việc xác định chủ thể, thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức thực hiện trong điều kiện hiện nay. Đây là nhóm vấn đề được nhiều địa phương phản ánh và kiến nghị sửa đổi trong quá trình tổng kết.

Thứ ba, việc tổ chức thực hiện tại một số địa phương còn gặp khó khăn về nguồn lực và cơ chế phối hợp. Chất lượng chuẩn bị hồ sơ, việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan, nguồn nhân lực chuyên môn và kinh phí phục vụ khảo sát, nghiên cứu nguồn tên, xây dựng phương án, lấy ý kiến, hoạt động của Hội đồng tư vấn và tổ chức gắn biển tại một số nơi còn hạn chế. Trong khi đó, tốc độ phát triển đô thị, hình thành các tuyến đường, khu đô thị, khu dân cư và công

trình công cộng mới làm gia tăng nhu cầu đặt tên, đổi tên. Việc rà soát nhu cầu đặt tên, cập nhật ngân hàng tên, tổ chức gắn biển và theo dõi sau khi đặt tên tại một số địa phương chưa được thực hiện thường xuyên hoặc chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tế.

Thứ tư, việc quản lý, cập nhật và khai thác dữ liệu về tên đường, phố và công trình công cộng còn phân tán. Mặc dù một số địa phương đã xây dựng ngân hàng tên, ứng dụng phần mềm hoặc công nghệ thông tin trong quản lý, tra cứu, nhưng cách thức tổ chức, cập nhật và khai thác dữ liệu còn khác nhau. Chưa có chuẩn dữ liệu và cơ chế kết nối, chia sẻ thống nhất, gây khó khăn cho việc tra cứu, đối chiếu tên, hạn chế trùng lặp, cập nhật bản đồ và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, địa phương có liên quan.

3.2. Nguyên nhân

Về nguyên nhân khách quan, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT được ban hành từ năm 2005 và năm 2006, trong khi hệ thống pháp luật có liên quan, tổ chức bộ máy nhà nước và mô hình chính quyền địa phương đã có nhiều thay đổi. Quá trình đô thị hóa, phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng không gian đô thị và sắp xếp đơn vị hành chính làm phát sinh nhiều yêu cầu mới đối với công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Đồng thời, yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số và kết nối, chia sẻ thông tin ngày càng cao, trong khi khuôn khổ pháp lý hiện hành được xây dựng trong điều kiện các yêu cầu này chưa đặt ra rõ nét như hiện nay.

Về nguyên nhân chủ quan, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quy định tại địa phương còn có sự khác nhau; cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên môn về văn hóa với các cơ quan quản lý về xây dựng, giao thông, quy hoạch và chính quyền cơ sở tại một số nơi chưa chặt chẽ. Nhân lực thực hiện nhiệm vụ phần lớn là kiêm nhiệm, trong khi công tác nghiên cứu, lựa chọn và thẩm định tên đòi hỏi kiến thức liên ngành về lịch sử, văn hóa, địa danh và quản lý đô thị. Nguồn lực dành cho khảo sát, xây dựng và cập nhật ngân hàng tên, tổ chức lấy ý kiến, gắn biển và số hóa dữ liệu tại một số địa phương còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc rà soát nhu cầu đặt tên, cập nhật dữ liệu và theo dõi việc tổ chức thực hiện sau khi có quyết định đặt tên, đổi tên ở một số địa phương chưa được tiến hành thường xuyên.

Những nguyên nhân nêu trên cho thấy các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành không chỉ xuất phát từ nội dung của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT mà còn gắn với những thay đổi về tổ chức bộ máy, điều kiện phát triển đô thị, yêu cầu chuyển đổi số và nguồn lực tổ chức thực hiện tại địa phương. Đây là cơ sở thực tiễn để nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện các quy định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay.

4. Những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua hơn 20 năm thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, cùng với những thay đổi về tổ chức bộ máy, hệ thống pháp luật, quá trình phát triển đô thị và yêu cầu chuyển đổi số, thực tiễn công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã phát sinh một số vấn đề mới cần được nghiên cứu, xử lý.

Một là, việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính đặt ra yêu cầu tổ chức lại cơ chế thực hiện công tác đặt tên, đổi tên. Việc thay đổi đơn vị hành chính, địa bàn quản lý và cơ cấu tổ chức làm phát sinh yêu cầu xác định lại trách nhiệm giữa cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan chuyên môn trong việc rà soát nhu cầu, xây dựng phương án, lấy ý kiến và tổ chức thực hiện. Đồng thời, việc hợp nhất địa bàn có thể làm phát sinh tình trạng trùng, lặp tên đường, phố và công trình công cộng trong cùng một đơn vị hành chính mới, đặt ra yêu cầu rà soát và có phương án xử lý phù hợp.

Hai là, sự đa dạng về chủ thể đầu tư, quản lý công trình và phương thức phát triển đô thị làm phát sinh những trường hợp cần được xác định rõ cơ chế quản lý. Thực tiễn đã xuất hiện nhu cầu đặt tên đối với một số công trình do tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý và các công trình, khu vực thuộc dự án có tên gọi mang yếu tố thương mại hoặc hợp tác quốc tế. Những trường hợp này đặt ra yêu cầu xác định rõ phạm vi áp dụng, nguyên tắc đặt tên, thẩm quyền quyết định và trách nhiệm quản lý, bảo đảm hài hòa giữa quyền, lợi ích của chủ thể đầu tư với yêu cầu quản lý nhà nước và các giá trị lịch sử, văn hóa.

Ba là, chuyển đổi số đặt ra yêu cầu mới đối với việc xây dựng, quản lý, cập nhật và chia sẻ dữ liệu về tên đường, phố và công trình công cộng. Thông tin về tên đường, phố và công trình công cộng ngày càng gắn chặt với bản đồ số, dữ liệu địa chỉ và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân, tổ chức. Do đó, cần nghiên cứu cơ chế quản lý dữ liệu theo hướng thống nhất, có khả năng kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống có liên quan và bảo đảm thông tin được cập nhật kịp thời sau khi quyết định đặt tên, đổi tên có hiệu lực.

5. Đánh giá chung

Qua hơn 20 năm thi hành, Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã tạo lập khuôn khổ pháp lý thống nhất cho công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, góp phần đưa hoạt động này từng bước đi vào nề nếp, phục vụ yêu cầu quản lý hành chính, quản lý đô thị và đời sống xã hội. Các nguyên tắc cơ bản về bảo đảm giá trị lịch sử, văn hóa; hạn chế việc đổi tên; tránh trùng lặp; lựa chọn tên phù hợp, tương xứng với đối tượng được đặt tên; phát huy vai trò của Hội đồng tư vấn và sự tham gia của Nhân dân nhìn chung vẫn còn giá trị và cần tiếp tục được kế thừa.

Tuy nhiên, sau hơn 20 năm thi hành, một số quy định của Nghị định đã bộc lộ những hạn chế, bất cập trước những thay đổi của hệ thống pháp luật, tổ

chức chính quyền địa phương và yêu cầu quản lý trong thực tiễn. Các vấn đề đặt ra liên quan đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, điều kiện và tiêu chí đặt tên, phân định thẩm quyền và trách nhiệm, trình tự, thủ tục, tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn, xây dựng và sử dụng ngân hàng tên, xử lý các trường hợp phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính, cũng như quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu. Một số nội dung không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số, phát triển đô thị và quản lý kết cấu hạ tầng hiện nay.

Kết quả tổng kết cho thấy việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng là cần thiết. Việc hoàn thiện cần bảo đảm kế thừa các nguyên tắc đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn phù hợp; đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập, bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất, khả thi và đồng bộ với pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó, cần đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan; tăng cường ứng dụng công nghệ, quản lý và chia sẻ dữ liệu; tạo điều kiện để địa phương chủ động tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm thực tế, đồng thời bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, hạn chế và các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình áp dụng, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành và tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, cụ thể như sau:

1. Giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành

Trước mắt, cần tăng cường hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, nhất là những vấn đề liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp, sắp xếp đơn vị hành chính, xác định thẩm quyền, xử lý trường hợp trùng, lặp tên và tổ chức thực hiện đối với các loại hình đường, phố, công trình phát sinh trong thực tiễn.

Tổ chức rà soát hệ thống đường, phố và công trình công cộng sau sắp xếp đơn vị hành chính để xác định các trường hợp chưa được đặt tên, các trường hợp trùng, lặp tên hoặc có yêu cầu điều chỉnh. Việc xử lý cần được thực hiện thận trọng, trên cơ sở đánh giá sự cần thiết, mức độ ảnh hưởng và bảo đảm hạn chế phát sinh thủ tục, chi phí đối với tổ chức, cá nhân. Đối với trường hợp cần đổi tên, cần có giải pháp chuyển tiếp và phối hợp cập nhật thông tin địa chỉ trên giấy tờ, biển hiệu và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan.

Tiếp tục rà soát, kiện toàn Hội đồng tư vấn phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy hiện hành; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan xây dựng phương án, cơ quan thường trực và Hội đồng tư vấn trong từng khâu của quá trình đặt tên, đổi tên, bảo đảm khách quan và nâng cao chất lượng tư vấn chuyên môn.

Các địa phương cần thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật ngân hàng tên; tăng cường nghiên cứu, kiểm chứng thông tin về danh nhân, địa danh, sự kiện lịch sử và các nguồn tên khác trước khi đưa vào sử dụng. Đối với trường hợp phát sinh tên phù hợp nhưng chưa có trong ngân hàng tên, cần thực hiện việc nghiên cứu, kiểm chứng và xem xét về chuyên môn trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa cơ quan chuyên môn về văn hóa với các cơ quan có liên quan và chính quyền cấp xã trong khảo sát hiện trạng, xác định nhu cầu, xây dựng phương án, lấy ý kiến Nhân dân, hoàn thiện hồ sơ, gắn biển và cập nhật thông tin sau khi quyết định đặt tên, đổi tên có hiệu lực.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Tăng cường công tác theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành các quy định về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; kịp thời tổng hợp, xử lý hoặc kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Chú trọng hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại cấp tỉnh, cấp xã, nhất là trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu và hồ sơ đề nghị đặt tên, đổi tên ngay từ khâu rà soát nhu cầu và xây dựng phương án. Việc đề xuất cần bảo đảm đầy đủ thông tin về vị trí, quy mô, tính chất, chức năng của đường, phố, công trình; nguồn gốc, ý nghĩa và căn cứ lựa chọn tên; kết quả lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan, qua đó hạn chế việc phải bổ sung, điều chỉnh nhiều lần trong quá trình xem xét.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn, tăng cường sự tham gia của chuyên gia, nhà khoa học và các cơ quan chuyên môn có liên quan trong nghiên cứu, kiểm chứng nguồn tên và xem xét phương án đặt tên, đổi tên. Đồng thời, phát huy vai trò của cơ quan chuyên môn về văn hóa trong việc tham mưu, phối hợp và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và lấy ý kiến Nhân dân; gắn việc công bố, tổ chức thực hiện quyết định đặt tên, đổi tên với việc giới thiệu nguồn gốc, ý nghĩa của địa danh, sự kiện lịch sử, danh nhân và các giá trị văn hóa được lựa chọn để đặt tên, góp phần tạo sự đồng thuận và phát huy giá trị giáo dục lịch sử, văn hóa, truyền thống.

Quan tâm bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động khảo sát, nghiên cứu nguồn tên, xây dựng phương án, hoạt động của Hội

đồng tư vấn, lấy ý kiến Nhân dân, gắn liền và quản lý dữ liệu. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác ngân hàng tên; từng bước số hóa thông tin về tên đường, phố và công trình công cộng phục vụ quản lý và tra cứu.

Đẩy mạnh phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có liên quan để bảo đảm quyết định đặt tên, đổi tên sau khi có hiệu lực được cập nhật kịp thời vào bản đồ, dữ liệu địa chỉ và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, hạn chế tình trạng thông tin không thống nhất giữa các cơ quan, hệ thống.

3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật

Trên cơ sở kết quả tổng kết hơn 20 năm thi hành, nghiên cứu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, đồng thời rà soát, sửa đổi, thay thế hoặc ban hành mới văn bản hướng dẫn thi hành để bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Việc hoàn thiện pháp luật cần kế thừa các nguyên tắc đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn phù hợp, đồng thời tập trung xử lý những hạn chế, bất cập và vấn đề mới phát sinh, trong đó chú trọng các nội dung sau:

Một là, về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ: Rà soát phạm vi điều chỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thực tiễn phát triển đô thị; xác định rõ phạm vi áp dụng đối với các loại hình đường và công trình phát sinh trong thực tiễn, bao gồm trường hợp do tổ chức, cá nhân đầu tư, quản lý. Rà soát, chuẩn hóa các khái niệm, bảo đảm thống nhất với pháp luật về đường bộ, quy hoạch, xây dựng và pháp luật có liên quan.

Hai là, về nguyên tắc, điều kiện và tiêu chí đặt tên, đổi tên: Quy định cụ thể hơn điều kiện để đường, phố và công trình công cộng được xem xét đặt tên; xác lập căn cứ phù hợp để xác định cấp độ, quy mô, vị trí, tính chất của đối tượng được đặt tên và lựa chọn tên có ý nghĩa, tầm vóc tương xứng. Hoàn thiện nguyên tắc phòng ngừa và xử lý trùng, lặp tên, căn cứ đổi tên; bảo đảm việc đổi tên được xem xét thận trọng, hạn chế tác động không cần thiết đến tổ chức, cá nhân.

Ba là, về thẩm quyền và trách nhiệm: Rà soát, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Làm rõ trách nhiệm trong từng khâu từ đề xuất nhu cầu, xây dựng phương án, lấy ý kiến, xem xét về chuyên môn, quyết định đến tổ chức thực hiện; đồng thời bảo đảm thống nhất với pháp luật về đường bộ và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bốn là, về Hội đồng tư vấn và ngân hàng tên: Hoàn thiện quy định về vị trí, tính chất, nhiệm vụ, thành phần, nguyên tắc hoạt động, cơ quan thường trực và bộ phận giúp việc của Hội đồng tư vấn; phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan xây dựng phương án và Hội đồng tư vấn. Quy định đầy đủ cơ chế xây dựng, phê duyệt, rà soát, bổ sung, cập nhật, quản lý và khai thác ngân hàng tên;

đồng thời có cơ chế xem xét đối với tên chưa có trong ngân hàng nhưng đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện và tiêu chí theo quy định.

Năm là, về trình tự, thủ tục và lấy ý kiến Nhân dân: Hoàn thiện quy trình đặt tên, đổi tên theo hướng xác định rõ các bước thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời hạn giải quyết. Quy định cụ thể đối tượng, phạm vi, hình thức, thời gian lấy ý kiến Nhân dân và việc tổng hợp, tiếp thu, giải trình; đồng thời rà soát, đơn giản hóa những khâu không cần thiết để bảo đảm tính khả thi và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Sáu là, về xử lý tên trùng, đổi tên và cơ chế chuyển tiếp: Bổ sung nguyên tắc và tiêu chí xử lý các trường hợp trùng, lặp tên phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính; xác định trường hợp cần đổi tên, trường hợp có thể tiếp tục sử dụng tên hiện có. Đồng thời, nghiên cứu cơ chế chuyển tiếp và cập nhật thông tin sau đổi tên nhằm hạn chế phát sinh thủ tục, chi phí và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Bảy là, về biến tên, quản lý dữ liệu và chuyển đổi số: Rà soát, hoàn thiện quy định về biến tên phù hợp với yêu cầu quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ. Nghiên cứu cơ chế quản lý, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu về tên đường, phố và công trình công cộng với bản đồ số, dữ liệu địa chỉ và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan; xác định trách nhiệm cập nhật thông tin sau khi quyết định đặt tên, đổi tên có hiệu lực.

Việc xây dựng Nghị định thay thế và văn bản hướng dẫn thi hành cần được thực hiện trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả tổng kết, ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và đối tượng chịu tác động; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ và khả thi của hệ thống pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy Chính phủ (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Phạm Thị Thanh Trà (để b/c);
- Bộ trưởng Lâm Thị Phương Thanh (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, TT(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Thị Thủy